

NHẬN THỨC VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN HÀ NỘI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN SỐ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

Tô Thuý Hạnh
Viện Tâm lý học

Trong vài năm gần đây, tỷ lệ phát triển dân số ở nước ta có xu hướng tăng trở lại, đặc biệt hiện tượng sinh con thứ ba xảy ra nhiều hơn. Theo thống kê của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Hà Nội, trong 6 tháng đầu của năm 2005, toàn thành phố ước tính có tổng số sinh là 21.338 trẻ, tăng 88 trẻ so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, điều đáng lưu ý là có tới 1.224 trẻ là con thứ 3 trở lên, tăng thêm 9 trẻ so với cùng kỳ năm 2004. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trong đó phải kể đến nhận thức của người dân về trách nhiệm xã hội đối với công tác kế hoạch hoá gia đình (KHHGD) còn chưa thật đầy đủ.

Để tìm hiểu vấn đề nhận thức của người dân về trách nhiệm xã hội của họ đối với công tác KHHGD, chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu nhanh trên 219 người dân Hà Nội có lứa tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp và tình trạng hôn nhân khác nhau. Một số câu hỏi được xây dựng xoay quanh chủ đề này tập trung phản ánh những giá trị, vai trò và mối quan hệ qua lại giữa việc KHHGD của người dân với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Những người tham gia nghiên cứu được đề nghị đánh giá các nhận định liên quan đến trách nhiệm xã hội của mình trong công tác KHHGD theo thang điểm 5 bậc từ hoàn toàn không đúng đến hoàn toàn đúng.

Trong quá trình xử lý số liệu chúng tôi đã phân chia nhận thức về trách nhiệm xã hội của những người tham gia nghiên cứu thành 3 mức: cao, trung bình và thấp. Kết quả khảo sát thực tiễn thu được như sau: phần lớn những người tham gia khảo sát (61.6%) nhận xét rằng, họ là những người có trách nhiệm xã hội đối với công tác KHHGD ở mức độ vừa phải, chỉ có 20.1% những khách thể trong toàn mẫu tự đánh giá họ có trách nhiệm cao và một tỷ lệ khách thể gần tương tự như vậy (18.3%) nhận mình còn ở mức trách nhiệm thấp đối với công việc này.

Bảng 1: So sánh nhận thức về trách nhiệm xã hội đối với công tác kế hoạch hoá gia đình theo giới tính và trình độ học vấn ($p < 0.001$)

| Tiêu chí | | Mức độ nhận thức | Cao | Trung bình | Thấp | Tổng |
|----------|----------------------|------------------|------|------------|------|------|
| Giới | Nam | | 25.6 | 46.3 | 28.0 | 100 |
| | Nữ | | 16.8 | 70.8 | 12.4 | 100 |
| Học vấn | Cấp I + cấp II | | 11.1 | 88.9 | 0 | 100 |
| | Cấp III | | 25.0 | 64.3 | 10.7 | 100 |
| | Trung cấp - cao đẳng | | 27.6 | 67.2 | 5.2 | 100 |
| | Đại học trở lên | | 17.4 | 53.9 | 28.7 | 100 |

So sánh giữa các nhóm khách thể khác nhau trong nhận thức về trách nhiệm xã hội đối với công tác KHHGD, chúng tôi nhận thấy rằng, không có sự khác biệt ở mức có nghĩa về mặt thống kê (với $p < 0.05$) giữa những người có độ tuổi và nghề nghiệp khác nhau, song lại có sự khác biệt giữa nam và nữ, giữa những người có trình độ học vấn khác nhau và giữa những người có mức sinh khác nhau. Các số liệu trình bày trong bảng 1 chỉ ra rằng, có trên 1/4 nam giới trong toàn mẫu tự đánh giá mình có trách nhiệm xã hội cao trong công tác KHHGD, song cũng lại có tới 28% trong số họ cho rằng mình còn thiếu trách nhiệm đối với xã hội trong lĩnh vực này. Trong khi đó, ở nữ giới các tỷ lệ tương ứng là 16.8% và 12.4%.

Kết quả khảo sát trình bày trong bảng 1 còn cho thấy, giữa những người có trình độ học vấn khác nhau cũng đánh giá khác nhau về trách nhiệm xã hội của mình đối với công tác KHHGD. Chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, nhìn chung những người có học vấn cao hơn thường có xu hướng tự đánh giá mình có trách nhiệm xã hội cao hơn so với những người có trình độ học vấn thấp (từ 17.4% đến 27.6% ở những người từ cấp 3 trở lên so với 11.1% ở những người cấp 1 + 2). Tuy nhiên, trong nghiên cứu cụ thể này của chúng tôi lại có tới 28.7% những khách thể có trình độ từ đại học trở lên tự xếp mình ở mức trách nhiệm xã hội thấp đối với công tác KHHGD. Theo chúng tôi, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện trạng này, trong đó ngoài việc nhìn nhận khắt khe hơn đối với bản thân ở những người có học vấn cao, có thể còn do ảnh hưởng của văn hoá truyền thống vốn quan niệm "thêm con là thêm lộc" đã bám rễ sâu sắc trong suy nghĩ của nhiều người Việt Nam, không phân biệt họ là nam hay nữ và trình độ học vấn ở mức nào.

Bảng 2: So sánh nhận thức về trách nhiệm xã hội của các nhóm khách thể có mức sinh khác nhau đối với công tác kế hoạch hoá gia đình ($p < 0.05$)

| Mức sinh | Mức độ nhận thức | Cao | Trung bình | Thấp | Tổng |
|---------------------------------------|------------------|------|------------|------|------|
| Chỉ sinh 1 con | | 36.8 | 63.2 | 0 | 100 |
| Chỉ sinh 2 con | | 22.2 | 61.9 | 15.9 | 100 |
| Muốn sinh hơn 2 con | | 0 | 44.4 | 55.6 | 100 |
| Không sinh nữa vì đã có 2 con trở lên | | 20.3 | 58.1 | 21.6 | 100 |

Nhận thức khác nhau về trách nhiệm xã hội giữa các nhóm khách thể khác nhau còn được tìm thấy ở những người có mức sinh khác nhau. Các số liệu trong bảng 2 chỉ ra rằng, những người đã hoặc dự định chỉ sinh từ 1 đến 2 con tự đánh giá mình có trách nhiệm đối với xã hội ở mức cao hơn (từ 22.2% đến 36.8%) so với những người muốn sinh nhiều hơn 2 con. Thậm chí không có người nào sinh 1 con nhận mình ở mức trách nhiệm xã hội thấp. Trong đó, lại có tới 55.6% những người muốn sinh nhiều hơn 2 con và 21.6% những người đã có 2 con trở lên tự nhận xét họ ở mức trách nhiệm thấp đối với xã hội trong công tác KHHGD. Rõ ràng là giữa nhận thức và hành vi có mối quan hệ khăng khít với nhau. Trong trường hợp nghiên cứu cụ thể của chúng tôi, mối quan hệ giữa nhận thức và hành vi cũng thể hiện rất rõ. Những người có nhận thức cao về trách nhiệm xã hội trong công tác KHHGD cũng đồng thời là những người tuân thủ tốt chính sách sinh đẻ có kế hoạch của Nhà nước trong thực tế: “Chỉ sinh từ 1 đến 2 con”. Hơn ai hết họ là những người thấu hiểu việc sinh đẻ có kế hoạch của mỗi cặp vợ chồng không chỉ còn là việc riêng của mỗi gia đình, mà nó gắn liền với nhiều vấn đề an sinh xã hội và sự phồn thịnh của đất nước.

Bảng 3: Đánh giá của các nhóm khách thể có mức sinh khác nhau đối với ý kiến “Việc gia đình tôi có thêm con cũng không ảnh hưởng đến tình hình dân số và xã hội của đất nước” ($p < 0.05$)

| Phương án trả lời | Chỉ sinh 1 con | Chỉ sinh 2 con | Muốn sinh hơn 2 con | Không sinh nữa vì đã có 2 con trở lên |
|----------------------|----------------|----------------|---------------------|---------------------------------------|
| Hoàn toàn không đúng | 73.7 | 58.7 | 22.2 | 58.1 |
| Đúng một phần | 5.3 | 14.3 | 11.1 | 13.5 |
| Khó xác định | 15.8 | 7.9 | 22.2 | 10.8 |
| Nhìn chung là đúng | 0 | 11.1 | 0 | 6.8 |
| Hoàn toàn đúng | 5.3 | 7.9 | 44.4 | 10.8 |
| Tổng | 100 | 100 | 100 | 100 |

Phân tích chi tiết hơn nhận thức về trách nhiệm xã hội của người dân Hà Nội đối với công tác KHHGD ở các nhóm khách thể có mức sinh khác nhau, chúng tôi còn tìm thấy có sự khác biệt rất rõ rệt trong những ý kiến đánh giá của họ ở một số nội dung cụ thể (xem các bảng 3, 4, 5 và 6). Nhìn chung, những người sinh ít con hơn (từ 1 đến 2 con) có nhận thức tốt hơn những người sinh nhiều con (nhiều hơn 2 con) về trách nhiệm xã hội trong công tác KHHGD. Chẳng hạn, các số liệu trong bảng 3 cho thấy, có tới 73.7% những người chỉ sinh 1 con và 58.7% những người chỉ sinh 2 con hoàn toàn không đồng tình với nhận định “Việc gia đình tôi có thêm con cũng không ảnh hưởng đến tình hình dân số và xã hội của đất nước”, trong khi chỉ có 22.2% những khách thể muốn sinh nhiều hơn 2 con hoàn toàn không đồng ý với nhận định này, nhưng lại có tới 44.4% trong số họ hoàn toàn đồng tình với ý kiến này.

Đối với ý kiến “Chuyện sinh đẻ là chuyện của mỗi gia đình, Nhà nước không nên can thiệp” cũng có một số lượng đáng kể (từ 63.2% đến 69.4%) những khách thể

chỉ sinh từ 1 đến 2 con trong toàn mẫu hoàn toàn phản đối, trong khi đó những người hoàn toàn ủng hộ cũng lại chủ yếu rơi vào nhóm khách thể muốn sinh nhiều hơn 2 con. Còn với nhận định "Trời sinh voi, trời sinh cỏ, Nhà nước không cần quan tâm đến chuyện này", xu hướng lựa chọn tương tự cũng diễn ra. Phần lớn những khách thể chỉ sinh từ 1 đến 2 con (79.4% đến 89.5%) biểu thị ý kiến hoàn toàn không đồng ý, trong khi đó những người muốn sinh nhiều hơn 2 con lựa chọn phương án này chỉ đạt ở mức thấp hơn rất nhiều (44.4%).

Bảng 4: Đánh giá của các nhóm khách thể có mức sinh khác nhau về ý kiến "Chuyện sinh đẻ là của mỗi gia đình, Nhà nước không nên can thiệp" ($p < 0.01$)

| Phương án trả lời | Chỉ sinh 1 con | Chỉ sinh 2 con | Muốn sinh hơn 2 con | Không sinh nữa vì đã có 2 con trở lên |
|----------------------|----------------|----------------|---------------------|---------------------------------------|
| Hoàn toàn không đúng | 63.2 | 69.4 | 33.3 | 58.1 |
| Đúng một phần | 21.1 | 19.4 | 0 | 14.9 |
| Khó xác định | 5.3 | 3.2 | 11.1 | 14.9 |
| Nhìn chung là đúng | 10.5 | 0 | 22.2 | 5.4 |
| Hoàn toàn đúng | 0 | 8.1 | 33.3 | 6.8 |
| Tổng | 100 | 100 | 100 | 100 |

Chúng ta biết rằng, gia đình là tế bào của xã hội. Vì vậy, việc có thêm thành viên trong gia đình cũng kéo theo tỷ lệ tăng dân số của toàn xã hội và có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của đất nước trên mọi lĩnh vực (giáo dục, y tế, việc làm, nhà ở v.v...) và cuối cùng là ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia. Các số liệu trong bảng 5 chỉ ra rằng, phần lớn những người chỉ sinh từ 1 đến 2 con trong toàn mẫu có quan điểm hoàn toàn đồng tình với nhận định cho rằng, "Tăng dân số nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất làm cho nước ta nghèo". Trong khi đó, chỉ có khoảng trên, dưới 1/2 những người muốn sinh nhiều hơn 2 con lựa chọn phương án này.

Bảng 5: Đánh giá của các nhóm khách thể có mức sinh khác nhau về ý kiến "Tăng dân số nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất làm cho nước ta nghèo" ($p < 0.05$)

| Phương án trả lời | Chỉ sinh 1 con | Chỉ sinh 2 con | Muốn sinh hơn 2 con | Không sinh nữa vì đã có 2 con trở lên |
|----------------------|----------------|----------------|---------------------|---------------------------------------|
| Hoàn toàn không đúng | 5.3 | 3.2 | 0 | 6.8 |
| Đúng một phần | 5.3 | 4.8 | 22.2 | 12.2 |
| Khó xác định | 0 | 9.7 | 11.1 | 18.9 |
| Nhìn chung là đúng | 10.5 | 9.7 | 22.2 | 1.4 |
| Hoàn toàn đúng | 78.9 | 72.6 | 44.4 | 58.1 |
| Tổng | 100 | 100 | 100 | 100 |

Đối với nhận định “Sự phát triển của đất nước phụ thuộc không nhỏ vào ý thức thực hiện việc kế hoạch hoá sinh đẻ trong mỗi gia đình Việt Nam”, các số liệu trình bày trong bảng 6 cũng chỉ rõ, chỉ có một tỷ lệ không lớn (33.3%) những khách thể muốn sinh nhiều hơn 2 con hoàn toàn ủng hộ ý kiến này, trong khi đó những người chỉ sinh từ 1 đến 2 con trong toàn mẫu lựa chọn phương án này đạt tỷ lệ cao hơn rất nhiều (trên 70%). Tương tự như vậy, phần lớn những người chỉ sinh từ 1 đến 2 con (73.7% và 82.5%) cũng hoàn toàn nhất trí với ý kiến “Mỗi cặp vợ chồng cần phải có ý thức gắn hạnh phúc gia đình mình với sự phồn vinh của đất nước” và chỉ có 44.4% những người muốn sinh nhiều hơn hai con lựa chọn phương án này.

Bảng 6: Đánh giá của các nhóm khách thể có mức sinh khác nhau trước nhận định “Sự phát triển của đất nước phụ thuộc không nhỏ vào ý thức thực hiện việc kế hoạch hoá sinh đẻ trong mỗi gia đình Việt Nam” ($p < 0.05$)

| Phương án trả lời | Chỉ sinh 1 con | Chỉ sinh 2 con | Muốn sinh hơn 2 con | Không sinh nữa vì đã có 2 con trở lên |
|----------------------|----------------|----------------|---------------------|---------------------------------------|
| Hoàn toàn không đúng | 0 | 3.2 | 11.1 | 6.8 |
| Đúng một phần | 0 | 9.5 | 22.2 | 8.1 |
| Khó xác định | 5.3 | 7.9 | 0 | 12.2 |
| Nhìn chung là đúng | 21.1 | 7.9 | 33.3 | 10.8 |
| Hoàn toàn đúng | 73.7 | 71.4 | 33.3 | 62.2 |
| Tổng | 100 | 100 | 100 | 100 |

Tóm lại, từ việc phân tích những số liệu điều tra thực tiễn có thể thấy rằng, nhận thức của phân đông người dân về trách nhiệm xã hội của họ trong lĩnh vực KHHGD mới chỉ đạt trung bình. Có sự khác biệt đáng kể trong nhận thức về trách nhiệm xã hội của các nhóm khách thể nam và nữ, giữa những người có trình độ học vấn khác nhau và giữa những người có mức sinh khác nhau. Điều đáng lưu ý ở đây là, trong bộ phận những người dân có nhận thức hạn chế về trách nhiệm xã hội đối với công tác KHHGD vẫn còn tồn tại một tỷ lệ không nhỏ những người có trình độ học vấn cao (từ đại học trở lên). Điều này cũng phần nào phản ánh rằng, công tác tuyên truyền, giáo dục về những chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề KHHGD vẫn còn phải tiếp tục tăng cường hơn nữa, kể cả trong khu vực cán bộ, công chức Nhà nước. Trong đó, đặc biệt chú ý nâng cao nhận thức của người dân về trách nhiệm xã hội của họ đối với công tác KHHGD, nhằm giảm bớt tỷ lệ sinh (nhất là sinh con thứ 3 trở lên), để góp phần thúc đẩy việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước.